

CÂU ƯỚC VỚI WISH



Điều ước không có thật

Động từ "wish" được dùng để diễn tả những điều ước có thể hoặc không thể xảy ra.

Khi diễn tả một điều ước cho một sự việc không thể xảy ra, chúng ta dùng một trong 3 cấu trúc sau:

1. Điều ước không có thật ở hiện tại

S + wish + (that) + S + V (past simple)

S + wish + (that) + S + were + V-ing

Note: Với động từ *to be*, dùng *were* cho tất cả các ngôi. Tuy nhiên trong văn nói vẫn có thể dùng *was*.

e.g.:

+ I wish I had a car. (Tôi ước tôi có một cái ô tô.)

Thực tế: *I don't have a car.*

+ He wishes it were not raining. (Tôi ước trời đang không mưa.)

Thực tế: *It is raining.*

+ I wish I were a doctor. (Tôi ước tôi là một bác sĩ.)

Thực tế: *I am not a doctor.*

2. Điều ước không có thật ở quá khứ

- Diễn tả mong ước về một điều đã không xảy ra trong quá khứ.

S + wish + (that) + S + had + PII

S + wish + (that) + S + had + been + V-ing

e.g.:

+ I wish I hadn't gone to that party. (Tôi ước là tôi đã không đến bữa tiệc đó.)

Thực tế: *I went to that party.*

+ She wishes she had been listening to the teacher. (Cô ấy ước rằng lúc đó cô ấy nghe cô giáo giảng bài.)

Thực tế: *She was talking during the lesson so she didn't understand it.*

3. Điều ước không có thật ở tương lai

- Diễn tả điều ước về một việc không thể xảy ra trong tương lai.

S + wish + (that) + S + could + V

S + wish + (that) + S + were going to + V

e.g.:

+ I wish I could go to the party tomorrow. (Tôi ước tôi có thể đến dự bữa tiệc vào ngày mai.)

Thực tế: *I can't go to the party tomorrow.*

+ I wish I weren't going to visit her later. (Tôi ước tôi sẽ không đến thăm cô ấy muộn.)

Thực tế: *I'm going to visit her later.*

WOULD trong câu điều ước với WISH

Thường thì ta không dùng WOULD trong câu ước, tuy nhiên **"would" có thể được dùng sau "I wish" khi người nói muốn hoàn cảnh thay đổi.**

e.g.:

+ I wish it would stop raining. (Tôi ước là trời ngừng mưa.)

Thực tế: *It is raining. (Trời đang mưa.)*

+ I wish she would change her mind and marry Viet. (Tôi muốn cô ấy thay đổi suy nghĩ mà lấy Việt.)

Thực tế: *She decided to marry Duong not Viet.* (Cô ấy quyết định lấy Dương chứ không phải Việt.)

Would được dùng với *wish* mang ý nghĩa như một lời yêu cầu, hoặc khi ai đó muốn người khác làm việc gì.

e.g.: I wish you would keep quiet. (Tôi muốn bạn giữ yên lặng.)

= I wish you would be quiet.

Lưu ý: Chỉ được dùng *would* khi hai chủ ngữ của câu khác nhau.

Không nói: *I wish I would...*

Điều ước có thể xảy ra

Khi muốn diễn tả những điều ước có thể xảy ra ở **hiện tại** hoặc **tương lai**, chúng ta dùng các cấu trúc sau:

1. S + wish + to V

e.g.: I wish to pass the exams. (Tôi muốn

vượt qua kì thi.)

- Trong trường hợp này: *wish* = *want*

2. S1 + hope + S2 + (V) (S1 ≠ S2)

S + hope + to V

e.g.:

+ I hope all of you will pass the exam. (Cô hi vọng tất cả các em sẽ vượt qua kì thi.)

+ I hope my mother has cooked dinner by now. (Tôi hi vọng rằng mẹ tôi đã nấu xong bữa tối.)

+ She is hoping to win the gold medal. (Cô ấy đang hi vọng giành được huy chương vàng.)

Một số câu trúc có ý nghĩa gần với câu điều ước

1. If only: Giá như, giá mà

Được sử dụng như câu ước với *wish* nhưng mang sắc thái biểu cảm hơn.

e.g.:

+ If only you were here with me. (Giá mà bạn ở đây cùng tôi.)

= I wish you were here with me. (*Tôi ước bạn ở đây cùng tôi.*)

+ If only I hadn't met you before. (*Giá mà trước kia tôi không gặp anh.*)

= I wish I hadn't met you before. (*Tôi ước mình không gặp anh trước kia.*)

2. Regret + V-ing: Hối hận là đã làm gì

e.g.:

+ I regret lending him the book. (*Tớ hối hận vì đã cho cậu ấy mượn sách.*)

= I wish I hadn't lent him the book. (*Tớ ước là đã không cho cậu ấy mượn sách.*)

+ Maria regrets not taking her umbrella. (*Maria hối hận vì đã không đem theo ô.*)

= Maria wishes she had taken her umbrella. (*Maria ước là cô ấy đem theo ô.*)

3. S + be sorry (that) + clause: Xin lỗi vì...

It's a pity (that) + clause: Tiếc là...

e.g.:

+ I'm sorry that I got so angry. (*Tớ xin lỗi vì tớ đã nóng giận như thế.*)

= I wish I hadn't got so angry. (Tớ ước là mình đã không nóng giận như thế.)

+ It's a pity our friends are not here today. (Thật tiếc là các bạn chúng ta không ở đây hôm nay.)

= I wish our friends were here today. (Ước gì các bạn chúng ta ở đây hôm nay.)

4. S + should + have PII: Đáng lẽ ra nên làm gì

e.g.: You shouldn't have used hard words. (Đáng lẽ cậu không nên nói nặng lời.)

= I wish you hadn't used hard words. (Ước gì cậu không nói nặng lời.)

5. S + would rather + have PII: Câu ước ở quá khứ

e.g.: I'd rather have stayed home last night.

= I wish I had stayed home last night. (Tôi ước là tối qua tôi ở nhà.)

Các cách diễn đạt khác:

would sooner

would like/ love/ prefer + to have PII

e.g.: I would like to have gone with you.
= I wish I had gone with you. (Tôi ước là đã đi với bạn.)

**6. S1 + would rather + S2 + had + PII
(S1 ≠ S2)**

e.g.: I would rather you had told me the truth.

= I wish you had told me the truth. (Ước gì anh nói cho em sự thật.)